

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 2, 112 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây,
thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

(TỪ NGÀY 01/10/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	12 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015) đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2015: 57.736.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : (84) 0511- 3622007
- Fax : (84) 0511- 3642423

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch	01/10/2015	
Ông Đặng Đức Vũ	Thành viên	01/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Thành viên	01/10/2015	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	01/10/2015	
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	01/10/2015	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng ban	01/10/2015	
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên	01/10/2015	
Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thành viên	01/10/2015	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng	02/10/2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015) được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Ngày 25/01/2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định bổ sung 02 Phó Tổng Giám đốc vào Ban điều hành Công ty:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc

- Theo kết luận thanh tra số 1668/CT-KTT2 ngày 22/04/2016 của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng về việc thanh tra thuế năm 2014 và giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, tổng số thuế truy thu qua thanh tra là: 334.578.602 đồng, trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

- ✓ Thuế GTGT: 209.962.027 đồng (năm 2014: 164.115.209 đồng, năm 2015: 45.846.818 đồng);
- ✓ Thuế TNDN: 124.616.575 đồng (năm 2014: 78.769.757 đồng, năm 2015: 45.846.818 đồng).

Toàn bộ số thuế trên Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu kế toán tại ngày 01/10/2015 trên Báo cáo tài chính này.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015) của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty,



ĐẶNG ĐỨC VŨ

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.

21
CH
NG
ĐA
HU
CH



Số: 13/16/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 06 năm 2016, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015) và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Thuyết minh V.16, các khoản chi của Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn nhà nước chi vượt và âm là 4.155.330.823 đồng (vào ngày 31/12/2015 là 4.231.971.278 đồng), chưa được quyết toán và xử lý, vẫn còn ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/10/2015 và ngày 31/12/2015. Vấn đề này còn tùy thuộc vào sự quyết định của các cấp có thẩm quyền và việc trình bày như trên là chưa phù hợp với Chế độ kế toán hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục I.5 tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 155/2015/BCKT-AVN ngày 29/10/2015.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2015-071-1
Chữ ký được uỷ quyền

Đặng Minh Tuyền - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2701-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		70.754.936.340	54.606.294.808
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	53.782.626.749	40.478.166.094
111	1. Tiền		53.782.626.749	40.478.166.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.702.221.651	11.904.840.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	9.919.827.923	7.376.731.081
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.093.040.500	1.204.935.500
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.685.354.228	3.319.175.022
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.999.000	3.999.000
140	IV. Hàng tồn kho		1.033.715.382	1.824.699.466
141	1. Hàng tồn kho	V.5	1.033.715.382	1.824.699.466
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		236.372.558	398.588.645
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	236.372.558	398.588.645
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		81.501.490.741	84.225.096.628
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		65.425.588.202	67.632.166.828
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	65.363.584.641	67.566.325.601
222	- Nguyên giá		131.331.576.157	131.334.151.917
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.967.991.516)	(63.767.826.316)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	62.003.561	65.841.227
228	- Nguyên giá		123.000.000	123.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.996.439)	(57.158.773)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.246.282.678	2.730.234.495
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	5.246.282.678	2.730.234.495
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.829.619.861	13.862.695.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	10.829.619.861	13.862.695.305
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		152.256.427.081	138.831.391.436

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		91.152.188.147	80.936.694.472
310	I. Nợ ngắn hạn		91.152.188.147	80.936.694.472
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	655.256.000	489.123.136
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	363.036.000	339.736.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	2.355.491.622	1.768.719.682
314	4. Phải trả người lao động	V.13	2.867.419.215	2.854.685.413
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	13.526.491.227	7.207.505.191
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	75.606.998.563	72.422.789.075
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	(4.222.504.480)	(4.145.864.025)
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		61.104.238.934	57.894.696.964
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	61.057.438.934	57.847.896.964
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.736.000.000	57.736.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		57.736.000.000	57.736.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		111.896.964	111.896.964
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.209.541.970	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.209.541.970	-
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		46.800.000	46.800.000
431	1. Nguồn kinh phí	V.18	46.800.000	46.800.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		152.256.427.081	138.831.391.436

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	50.394.666.347	134.700.281.040
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.394.666.347	134.700.281.040
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	44.289.165.116	127.380.491.079
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.105.501.231	7.319.789.961
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	70.155.104	211.677.130
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.318.636	33.608.613
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	2.485.435.885	7.005.722.399
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.685.901.814	492.136.079
31	11. Thu nhập khác	VI.6	3.500.000	
32	12. Chi phí khác	VI.7	1.320.000	45.846.818
40	13. Lợi nhuận khác		2.180.000	(45.846.818)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.688.081.814	446.289.261
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		382.288.394	136.055.807
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.305.793.420	310.233.454
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	464	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		52.672.564.683	172.811.591.123
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(18.961.276.011)	(70.663.522.192)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.658.534.579)	(67.114.338.427)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.716.969.456	13.462.473.644
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.404.824.361)	(16.124.669.202)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.254.899.188	32.371.534.946
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(20.593.637)	(38.903.624)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		70.155.104	211.677.130
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.561.467	172.773.506
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		13.304.460.655	32.544.308.452
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		40.478.166.094	7.933.857.642
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		53.782.626.749	40.478.166.094

Người lập biểu



HUYỄN DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015

(từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/10/2015, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Do đó toàn bộ số liệu tài sản và nguồn vốn tại ngày 01/10/2015 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 đã được kiểm toán.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Ban Thanh tra (Ban KCS)
- TT tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 2
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 1
- Xí nghiệp QLB và xử lý CT
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2
- Xí nghiệp Vận chuyển
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.146 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/10/2015 là 1.162 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính này là năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Tiền mặt	83.281.877	93.824.003
Tiền gửi ngân hàng	53.699.344.872	40.384.342.091
Cộng	<u>53.782.626.749</u>	<u>40.478.166.094</u>

Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	1.027.500	1.054.400
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	27.902.677.983	16.723.627.334
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng (*)	25.094.848.824	23.257.584.228
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	700.790.565	402.076.129
Cộng	<u>53.699.344.872</u>	<u>40.384.342.091</u>

(*) Số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng số tiền này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	9.919.827.923	7.376.731.081
- Sở Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng	7.014.563.636	4.200.000.000
- Khách hàng dịch vụ	2.459.451.787	2.781.359.081
- Khách hàng công ích	445.812.500	395.372.000
Cộng	9.919.827.923	7.376.731.081

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.093.040.500	1.204.935.500
- Công ty TNHH Sao Thái Dương	342.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Thiên Mỹ Sơn	105.000.000	150.000.000
- Ngô Thị Bích Vân	80.000.000	121.000.000
- Công ty TNHH MTV Đào Quyên	70.000.000	237.000.000
- Các đối tượng khác	495.540.500	696.935.500
Cộng	1.093.040.500	1.204.935.500

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)		Số đầu năm (ngày 01/10/2015)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.649.815.562	-	3.268.385.022	-
TT TVĐT&PT Kỹ nghệ MT	1.080.492.106		1.006.731.556	
XN vận chuyển	792.600.755		19.928.745	
XN DV Môi trường số 2 (CN)	533.547.365		556.882.235	
XN DV Môi trường số 2 (NH)	475.944.365		312.105.601	
Phải thu các đối tượng khác	1.658.542.091	-	1.372.736.885	-
Bảo hiểm XH TP Đà Nẵng	108.688.880	-	-	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	35.538.666	-	50.790.000	-
Cộng	4.685.354.228	-	3.319.175.022	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>		<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	239.955.581		492.813.646	-
Công cụ, dụng cụ	793.759.801		1.331.885.820	-
Cộng	1.033.715.382	-	1.824.699.466	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất	5.847.112	398.588.645
Phần mềm quản lý	23.958.334	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	206.567.112	-
Cộng	236.372.558	398.588.645

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn phát sinh trong kỳ

	<u>Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)</u>	<u>Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)</u>
Số dư đầu kỳ	398.588.645	1.023.528.824
Tăng trong kỳ	166.974.545	398.588.645
Phân bổ trong kỳ	(329.190.632)	(1.023.528.824)
Số dư cuối năm	236.372.558	398.588.645

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	6.613.100.412	7.086.933.547
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.216.519.449	6.775.761.758
Cộng	10.829.619.861	13.862.695.305

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn phát sinh trong kỳ

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Số dư đầu kỳ	13.862.695.305	13.941.733.996
Tăng trong kỳ	1.961.378.629	12.874.406.392
Phân bổ trong kỳ	(4.994.454.073)	(12.953.445.083)
Số dư cuối năm	10.829.619.861	13.862.695.305

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	75.757.537.312	2.409.058.394	53.132.203.211	35.353.000	131.334.151.917
Mua sắm trong năm					-
Tăng khác					-
Đ/tư XD CB h/thành					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác			2.575.760		2.575.760
Số cuối năm	75.757.537.312	2.409.058.394	53.129.627.451	35.353.000	131.331.576.157
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.115.951.482	1.081.229.025	26.547.077.138	23.568.671	63.767.826.316
Khấu hao trong năm	909.734.976	68.721.489	1.223.302.469	982.026	2.202.740.960
Tăng khác					-
T/lý, nhượng bán					-
Giảm khác			2.575.760		2.575.760
Số cuối năm	37.025.686.458	1.149.950.514	27.767.803.847	24.550.697	65.967.991.516
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.641.585.830	1.327.829.369	26.585.126.073	11.784.329	67.566.325.601
Số cuối năm	38.731.850.854	1.259.107.880	25.361.823.604	10.802.303	65.363.584.641

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	123.000.000	123.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	57.158.773	57.158.773
Khấu hao trong năm	3.837.666	3.837.666
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	60.996.439	60.996.439
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	65.841.227	65.841.227
Số cuối kỳ	62.003.561	62.003.561

9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
- Mua sắm 02 xe cuốn ép vận chuyển rác		957.273		957.273
Xây dựng cơ bản dở dang	2.730.234.495	2.499.090.910	-	5.026.322.532
- Mương thoát nước	2.527.231.622			2.527.231.622
- Phủ bạt HDPE mái taluy hộ chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn		2.499.090.910		2.499.090.910
- Xây dựng các công trình khác	106.336.206			106.336.206
- Chi phí xây dựng ISO	96.666.667	16.000.000		112.666.667
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-
Cộng	2.730.234.495	2.516.048.183	-	5.246.282.678

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	655.256.000	489.123.136
- Công ty TNHH Thương mại Núi Thành	422.930.000	232.473.500
- Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Ân Điền	-	194.804.000
- Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	219.600.000	-
- Các đối tượng phải trả khác	12.726.000	61.845.636
Cộng	655.256.000	489.123.136

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	363.036.000	339.736.000
- Khách hàng dịch vụ trả tiền trước	363.036.000	339.736.000
Cộng	363.036.000	339.736.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.421.893.923		4.821.481.178	4.536.245.376	1.707.129.725	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	309.111.197		382.288.394	110.000.000	581.399.591	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.714.562		88.666.305	59.418.561	66.962.306	-
Cộng	1.768.719.682	-	5.292.435.877	4.705.663.937	2.355.491.622	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

➤ Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.688.081.814	446.289.261
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	3.615.746.710	234.612.131
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	72.335.104	211.677.130
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	48.000.000	660.256.256
- Các khoản điều chỉnh tăng	48.000.000	660.256.256
+ Chi phí không hợp lý	-	504.314.999
+ Chi thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	48.000.000	132.300.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	23.641.257
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.736.081.814	1.106.545.517
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	3.663.746.710	894.868.387
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác	72.335.104	211.677.130
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	3.736.081.814	1.106.545.517
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	3.663.746.710	894.868.387
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	72.335.104	211.677.130
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh khác	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp hoạt động kinh doanh chính	366.374.671	89.486.839
Thuế TNDN hoạt động khác	15.913.723	46.568.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	382.288.394	136.055.807

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***13. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Tiền lương phải trả	2.867.419.215	2.854.685.413
Cộng	<u>2.867.419.215</u>	<u>2.854.685.413</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng	10.028.491.227	7.102.256.932
Chi phí kiểm toán 9 tháng đầu năm 2015	-	77.272.727
Chi phí bồi thường tai nạn lao động	-	27.975.532
Trích trước tiền thưởng hoàn thành kế hoạch năm	3.438.000.000	-
Chi phí kiểm toán Quý 4 năm 2015	60.000.000	-
Cộng	<u>13.526.491.227</u>	<u>7.207.505.191</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm (ngày 31/12/2015)</u>	<u>Số đầu năm (ngày 01/10/2015)</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>75.606.998.563</i>	<i>72.422.789.075</i>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	184.746.892	99.901.770
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	8.351.700
- Phải trả cổ phần hóa (*)	34.562.185.125	34.541.886.471
- Ủy ban nhân dân Tp Đà Nẵng (**)	40.258.691.261	37.258.691.261
- Lãi phải trả cho các thành viên liên doanh	368.948.371	272.696.921
- Phải trả khác	232.426.914	241.260.952
Cộng	<u>75.606.998.563</u>	<u>72.422.789.075</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***(* Chi tiết công nợ phải trả cổ phần hóa tại ngày 31/12/2015 chờ quyết toán****Số cuối năm (ngày
31/12/2015)**

Tổng thu từ phát hành cổ phiếu	25.880.588.200
Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa	56.046.654
Phải trả về số vốn lẻ	837.691
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu của DNNN	13.470.655.903
Chuyển Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của	1.872.477.250
Lỗ phát sinh trước cổ phần hóa	(300.775.725)
Tiền thu được từ phát hành thêm cổ phiếu	(2.111.896.964)
Chi trả lao động dôi dư	(3.801.049.657)
Chi phí cổ phần hóa	(504.698.227)
Cộng	<u><u>34.562.185.125</u></u>

Giá trị của các khoản mục này chưa được quyết toán, đối chiếu với Nhà nước.

(**) Là giá trị còn phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý và kinh phí phủ bạt HPDE mái taluy học chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn theo Công văn số 8352/UBND-QLĐTH ngày 24/10/2015 của Sở Tài chính.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.155.330.823)		76.640.455	-	(4.231.971.278)
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-			-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	9.466.798			-	9.466.798
Cộng	<u>(4.145.864.025)</u>	<u>-</u>	<u>76.640.455</u>	<u>-</u>	<u>(4.222.504.480)</u>

(*) Một số khoản chi phúc lợi Công ty đã chi trong kỳ là 76.640.455 đồng (lũy kế chi đến thời điểm 31/12/2015 là 4.231.971.278 đồng). Do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm trên khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư tại 01/10/2015	57.736.000.000	111.896.964	-	-	-	-	57.847.896.964
Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	3.305.793.420	-	3.305.793.420
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Thu từ phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(96.251.450)	-	(96.251.450)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	57.736.000.000	111.896.964	-	-	3.209.541.970	-	61.057.438.934

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
Vốn góp của UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty CP Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.712.060.000	3.712.060.000
Bà Nguyễn Lê My Kha	1.911.050.000	1.911.050.000
Các cổ đông cá nhân khác	14.947.660.000	14.947.660.000
Cộng	57.736.000.000	57.736.000.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	57.736.000.000	55.736.837.691
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	57.736.000.000	55.736.837.691
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***17e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Số cuối năm (ngày 31/12/2015)	Số đầu năm (ngày 01/10/2015)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	3.305.793.420	-
Phân phối lợi nhuận theo Hợp đồng liên doanh	(96.251.450)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.209.541.970	-

18. Nguồn kinh phí

Là nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp để chi trả cho cán bộ công nhân viên Công ty phục vụ Tết nguyên đán trong 2 năm 2013, 2014 còn lại, chi tiết cụ thể là:

	2013	2014	Tổng cộng
Tổng nguồn kinh phí được cấp	1.177.600.000	1.293.000.000	2.470.600.000
Số tiền đã chi	1.156.900.000	1.266.900.000	2.423.800.000
Số kinh phí còn lại chưa chi	20.700.000	26.100.000	46.800.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.394.666.347	134.700.281.040
+ Doanh thu hoạt động công ích	16.198.872.821	44.464.584.777
+ Doanh thu theo đơn đặt hàng	27.727.026.364	69.728.565.092
+ Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	6.468.767.162	20.507.131.171
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	50.394.666.347	134.700.281.040

2. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.289.165.116	127.380.491.079
Cộng	44.289.165.116	127.380.491.079
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.155.104	211.677.130
Cộng	70.155.104	211.677.130
4. Chi phí tài chính		
	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Chi phí tài chính khác	4.318.636	33.608.613
Cộng	4.318.636	33.608.613
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Chi phí nhân viên quản lý	1.633.819.241	5.121.435.419
Chi phí vật liệu quản lý	57.281.080	214.369.290
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.758.132	69.511.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.313.132	878.088.527
Chi phí bằng tiền khác	321.264.300	722.317.756
Cộng	2.485.435.885	7.005.722.399

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***6. Thu nhập khác**

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Bán hồ sơ mời thầu	3.500.000	-
Cộng	3.500.000	-

7. Chi phí khác

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Chi phí mời thầu	1.320.000	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	45.846.818
Cộng	1.320.000	45.846.818

8. Lãi trên cổ phiếu

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.305.793.420
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(625.064.424)
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	(625.064.424)
+ Phân chia lợi nhuận liên doanh (*)	(96.251.450)
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (**)	(230.954.197)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	(297.858.777)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.680.728.996
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.773.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	464

(*) Lợi nhuận chia cho liên doanh là phần lợi nhuận sau thuế chia cho Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh theo Hợp đồng liên doanh như trình bày cụ thể tại Thuyết minh VIII.1; kết quả hoạt động của liên doanh trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu LD	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí quản lý của Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh (1,5%/DT)	Khấu hao TSCĐ của liên doanh 6,5%	Lợi nhuận định mức của liên doanh 4,5%	% trả cho Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh
a	b	c=a*1,5%	d=a*6,5%	e=a*4,5%	f=c+(d+e)*b
1.923.006.000	44,70%	28.845.090	124.995.390	86.535.270	123.399.295
Thuế TNDN					27.147.845
Lợi nhuận liên doanh sau thuế trả cho Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh					96.251.450

(**) Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận Quý 4/2015 của Hội đồng quản trị theo tỷ lệ:

- Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 10% phần lợi nhuận sau thuế trừ liên doanh vượt kế hoạch (kế hoạch là 900 triệu đồng);
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế trừ liên doanh và quỹ khen thưởng Ban điều hành.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Kỳ này (từ ngày
01/10/2015 đến ngày
31/12/2015)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01/10/2015	5.773.600

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ 5.773.600

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.871.436.867	18.441.937.050
Chi phí nhân công	26.758.545.761	63.257.267.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.206.578.626	3.650.600.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.500.938.375	10.260.542.006
Chi phí khác bằng tiền	1.758.840.031	39.923.154.351
Cộng	<u><u>48.096.339.660</u></u>	<u><u>135.533.500.836</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong tổng số tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2015, khoản tiền hiện có của tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng với giá trị là 25.094.848.824 đồng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng khoản tiền này.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Theo Hợp đồng liên doanh số 35/10/KH/HĐKT ký ngày 18/03/2009, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) và Công ty cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh liên doanh trong việc xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn, khối Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, hai bên góp vốn bằng tài sản và giao cho Xí nghiệp xử lý chất thải nguy hại – dịch vụ môi trường (trực thuộc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng) trực tiếp tổ chức kinh doanh. Thu nhập từ liên doanh được chia cho các bên theo tỷ lệ % doanh thu thực hiện, cụ thể:

- Tỷ lệ vốn góp: Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 55,3%, Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 44,7%
- Trích chi phí quản lý: 4% doanh thu (chia cho Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 2,5% và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 1,5%).
- Trích chi phí khấu hao tài sản: 6,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).
- Trích lợi nhuận định mức: 4,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Hội đồng quản trị	105.000.000
<i>Thù lao</i>	105.000.000
<i>Phụ cấp</i>	
Ban Tổng Giám đốc	144.000.000
<i>Tiền lương</i>	144.000.000
<i>Phụ cấp</i>	
Ban kiểm soát	93.000.000
<i>Thù lao</i>	93.000.000
<i>Phụ cấp</i>	
Cộng	342.000.000

3. Báo cáo bộ phận

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam. Một số chỉ tiêu được Công ty trình bày lại cho phù hợp với quy định và điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế số 1668/CT-KTT2 ngày 22/04/2016 của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng. Số liệu cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đầu kỳ (tại ngày 01/10/2015) đã được kiểm toán	Số liệu đầu kỳ (tại ngày 01/10/2015) xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Tài sản ngắn hạn					
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	3.054.854.650	-	(3.054.854.650)	
- Phải thu ngắn hạn khác	136	264.320.372	3.319.175.022	3.054.854.650	
Nợ phải trả					
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.434.141.080	1.768.719.682	334.578.602	
- Phải trả ngắn hạn khác	319	59.491.490.920	74.533.848.348	15.042.357.428	
Vốn chủ sở hữu					
- Vốn khác của chủ sở hữu	414	13.470.655.903	-	(13.470.655.903)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	33.802.877	-	(33.802.877)	
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	1.872.477.250	-	(1.872.477.250)	

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu kỳ trước (từ 01/01/2015 đến 30/09/2015) đã kiểm toán	Số liệu kỳ trước (từ 01/01/2015 đến 30/09/2015) xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Chi phí khác	11	-	45.846.818	45.846.818	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	492.136.079	446.289.261	(45.846.818)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	90.208.989	136.055.807	45.846.818	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	401.927.090	310.233.454	(91.693.636)	

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Ngày 25/01/2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định bổ sung 02 Phó Tổng Giám đốc vào ban điều hành Công ty:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc

- Theo kết luận thanh tra số 1668/CT-KTT2 ngày 22/04/2016 của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng về việc thanh tra thuế năm 2014 và giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, tổng số thuế truy thu qua thanh tra là: 334.578.602 đồng, trong đó:

- ✓ Thuế GTGT: 209.962.027 đồng (năm 2014: 164.115.209 đồng, năm 2015: 45.846.818 đồng);

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ Thuế TNDN: 124.616.575 đồng (năm 2014: 78.769.757 đồng, năm 2015: 45.848.818 đồng).

Toàn bộ số thuế trên Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu kế toán tại ngày 01/10/2015 trên Báo cáo tài chính này.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 06 năm 2016.



HUỲNH DUY HẢI

Người lập biểu



ĐỖ VĂN TÀI

Kế toán trưởng



ĐẶNG ĐỨC VŨ

Tổng Giám đốc